



PHIẾU YÊU CẦU THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 462/7970326

Ngày: 20/4/2026

Trang: 01/01

I. Loại mẫu : Nước thải

Lượng mẫu: 2 lít

II. Thời gian:

Lấy mẫu: 31/3/2026 Thử nghiệm: 31/3/2026-20/4/2026 Lưu mẫu: 07 ngày

III. Địa điểm lấy mẫu: CN Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Bình Định, 87 Hoàng Văn Thụ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

IV. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

- Tại đầu ra HTXL nước thải, tọa độ: 1522496; 603476 (8h00)

Nước hơi vàng

NT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT- giá trị C, cột B
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	SMEWW 2550B:2023	28,7	40
2	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,66	5,5-9
3	Độ màu ^(a)	Pt-co	TCVN 6185:2015	20	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6625:2000	4	100
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ^(a,b)	mg/l	SMEWW 5220 C:2023	48	150
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	26	50
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/l	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=0,31)	10
8	Clo dư ^(a)	mg/l	TCVN 6225-3:1996	0,32 (LOQ=0,40)	2
9	Tổng nitơ (T-N) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6638:2000	4,15	40
10	Tổng photpho (T-P) ^(a)	mg/l	SMEWW 4500P.B&D:2023	5,23	6
11	Coliform ^(a)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	33	5000
12	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(c)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	10

V. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (d): Các chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL/LOD): giới hạn phát hiện
- (c): Chỉ tiêu nhà thầu phụ (Trung tâm công nghệ MT)

PHÒNG QT-PT

Nguyễn Thị Ngọc Đường



GIÁM ĐỐC

Trần Đoàn Khoa Tiên



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 403/7950326-7960326
Ngày: 09/4/2026
Trang: 01/01

I. Loại mẫu: Khí thải

Lượng mẫu:

II. Thời gian:

Lấy mẫu: 31/3/2026 Thử nghiệm: 31/3/2026-09/4/2026 Lưu mẫu:

III. Địa điểm lấy mẫu: CN Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Bình Định, 87 Hoàng Văn Thụ, Phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

IV. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

- Tại ống khói lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ, tọa độ:

1522504; 603468

KT1

- Tại ống khói lò hơi công suất 2 tấn hơi/giờ, tọa độ:

1522459; 603525

KT2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm		QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT1	KT2	
1	Bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	59	66	200
1	CO ^(a)	mg/Nm ³	HD/KT - CO	195,3	214,7	1000
2	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	HD/KT - SO ₂	27,1	27,9	500
3	NO _x ^(a)	mg/Nm ³	HD/KT - NO _x	29,3	33,7	850
4	Lưu lượng khí thải ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	7540	3141	-

V. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (d): Các chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL/LOD): giới hạn phát hiện

PHÒNG QT-PT

Phạm Thanh Bình



Trần Đoàn Khoa Tiến



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 404/7980326

Ngày: 09/4/2026

Trang: 01/01

I. Loại mẫu : Nước thải

Lượng mẫu: 2 lít

II. Thời gian:

Lấy mẫu: 31/3/2026 **Thử nghiệm:** 31/3/2026-09/4/2026 **Lưu mẫu:** 07 ngày

III. Địa điểm lấy mẫu: CN Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Bình Định, 87 Hoàng Văn Thụ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

IV. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

- Tại đầu vào HTXL nước thải, tọa độ: 1522516; 603450
(7h45)

Nước hơi đục

NT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT- giá trị C, cột B
1	Tổng nitơ (T-N) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6638:2000	4,71	40

V. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (d): Các chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL/LOD): giới hạn phát hiện

PHÒNG QT-PT

Nguyễn Thị Ngọc Đường



GIÁM ĐỐC

Trần Đoàn Khoa Tiến